

**TIN TIÊU ĐIỂM:**

**T**hương mại quốc tế  
**Một số nội dung quan trọng liên quan đến Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương**

Ngày 05/10/2015, Bộ trưởng của 12 nước tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm Úc, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ, và Việt Nam đã tuyên bố kết thúc đàm phán. Đây là bước ngoặt lịch sử đối với các nước thành viên TPP, trong đó có Việt Nam

Theo đó, Hiệp định TPP gồm có 30 chương điều chỉnh thương mại và các vấn đề liên quan tới thương mại, bắt đầu từ thương mại hàng hóa và tiếp tục với hải quan và thuận lợi hóa thương mại; vệ sinh kiểm dịch động thực vật; hàng rào kỹ thuật đối với thương mại; quy định về phòng vệ thương mại; đầu tư; dịch vụ; thương mại điện tử; sở hữu trí tuệ; lao động; môi trường; các chương về “các vấn đề xuyên suốt” nhằm bảo đảm Hiệp định TPP đạt được tiềm năng của mình về phát triển, tính cạnh tranh và tính bao hàm; giải quyết tranh chấp; ngoại lệ và các điều khoản về thể chế.

TPP có năm đặc điểm chính như sau:

**Tiếp cận thị trường một cách toàn diện:** TPP cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan về căn bản đối với tất cả thương mại hàng hóa và dịch vụ; điều chỉnh toàn bộ các lĩnh vực về thương mại, trong đó có thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư nhằm tạo ra các cơ hội và lợi ích mới cho doanh nghiệp, người lao động và người tiêu dùng của các nước thành viên.

**Tiếp cận mang tính khu vực trong việc đưa ra các cam kết:** hỗ trợ thực hiện mục tiêu về tạo việc làm, nâng cao mức sống, thúc đẩy các nỗ lực bảo tồn và tạo thuận lợi cho việc hội nhập qua biên giới cũng như mở cửa thị trường trong nước.

**Giải quyết các thách thức mới đối với thương mại:** TPP thúc đẩy việc đổi mới, năng suất và tính cạnh tranh thông qua việc giải quyết các vấn đề mới, trong đó bao gồm việc phát triển nền kinh tế số và vai trò ngày càng tăng của các doanh nghiệp Nhà nước trong nền kinh tế toàn cầu.

**Thương mại toàn diện:** TPP hướng tới các nền kinh tế ở các mức độ phát triển khác nhau và các doanh nghiệp có quy mô khác nhau đều có thể đạt được lợi ích từ thương mại. Hiệp định bao gồm cam kết giúp đỡ các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiểu được Hiệp định, nắm bắt các cơ hội.

**Nền tảng cho hội nhập khu vực:** TPP được định hình như một nền tảng cho hội nhập kinh tế khu vực và nhắm đến cả những nền kinh tế khác trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Một trong những nội dung quan trọng của TPP phải kể đến như vấn đề thương mại hàng hóa. Theo đó, các bên tham gia TPP nhất trí xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế quan đối với hàng hóa công nghiệp và xóa bỏ hoặc cắt giảm thuế quan cũng như các chính sách mang tính hạn chế khác đối với hàng hóa nông nghiệp. Việc xóa bỏ phần lớn thuế quan đối với hàng công nghiệp sẽ được thực hiện ngay lập tức mặc dù thuế quan đối với một số mặt hàng sẽ được xóa bỏ với lộ trình dài hơn do các bên thống nhất. Việc cắt giảm thuế cụ thể do các bên thống nhất được quy định tại lộ trình cam kết bao gồm tất cả hàng hóa và được đính kèm theo lời văn của Hiệp định.

Ngoài ra, các bên nhất trí không áp dụng các hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và các loại thuế không phù hợp với WTO, bao gồm cả đối với hàng tân trang - việc này được cho là sẽ thúc đẩy việc tái chế tất cả các bộ phận để chuyển thành các sản phẩm mới. Nếu các bên TPP duy trì yêu cầu cấp phép nhập khẩu hoặc xuất khẩu thì phải thông báo cho các Bên kia về những quy trình không nhằm mục đích làm chậm sự lưu thông thương mại.

Sau khi được ký kết, TPP sẽ trải qua quá trình thông qua theo thủ tục ở nội bộ từng quốc gia thành viên. Mỗi nước đã thông qua TPP sẽ thông báo với các nước TPP khác về việc đã hoàn tất toàn bộ các yêu cầu để cho Hiệp định có thể có hiệu lực.

60 ngày kể từ khi tất cả các nước thành viên đã thông qua TPP, Hiệp định này sẽ có hiệu lực. Nếu việc tất cả các thành viên thông qua không được thực hiện trong vòng 2 năm kể từ ngày ký Hiệp định, thì 60 ngày sau khi hết thời hạn 2 năm đó, Hiệp định sẽ có hiệu lực nếu như có ít nhất 6 nước thành viên có tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chiếm trên 85% tổng GDP của tất cả 12 nước TPP đã thông qua Hiệp định.

*Xem nội dung tóm tắt chi tiết TPP đính kèm trong số này.*

## **Đ**ất đai – Nhà ở **Sau 10/6/2016, cấm kinh doanh tại căn hộ chung cư**

Theo Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở, cá nhân, tổ chức không được kinh doanh vũ trường, vật liệu gây cháy nổ; sửa chữa xe có động cơ; giết mổ gia súc và các hoạt động kinh doanh dịch vụ gây ô nhiễm khác trong phần diện tích dùng để kinh doanh của nhà chung cư. Nếu kinh doanh dịch vụ nhà hàng, karaoke, quán bar thì phải bảo đảm cách âm, tuân thủ yêu cầu về phòng, chống cháy nổ, có nơi thoát hiểm và chấp hành các điều kiện kinh doanh khác theo quy định của pháp luật

Trường hợp trong giấy tờ đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp có ghi sử dụng căn hộ chung cư làm địa điểm kinh doanh trước ngày 01/07/2015, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải chuyển hoạt động kinh doanh sang địa điểm khác không phải là căn hộ chung cư trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 10/12/2015; quá thời hạn này (tức sau ngày 10/06/2016), tổ chức, cá nhân, hộ gia đình không được kinh doanh tại căn hộ chung cư.

Về chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở, Nghị định quy định người mua nhà ở thương mại được phép chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà đối với nhà đã nhận bàn giao (bao gồm cả nhà mua làm nhà ở phục vụ tái định cư) nhưng chưa nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cho cơ quan có thẩm quyền.

Cũng theo Nghị định này, trước khi ký hợp đồng mua bán, thuê mua, tặng cho nhà ở, chủ đầu tư, bên tặng cho phải kiểm tra thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng hoặc đề nghị Sở Xây dựng cung cấp thông tin để xác định số lượng nhà ở được bán, cho thuê mua, được tặng cho nhưng phải đảm bảo số lượng căn hộ chung cư mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu không quá 30% tổng số căn hộ của một tòa nhà chung cư; tối đa 250 căn nhà riêng lẻ trường hợp trên địa bàn có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường, chỉ có một dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại với số lượng nhà tương đương 2.500 căn... Mọi giao dịch mua bán, cho thuê mua, tặng cho nhà ở của tổ chức, cá nhân nước ngoài vượt quá số lượng nêu trên đều không có giá trị pháp lý và không được cấp Giấy chứng nhận; bên bán, cho thuê mua nhà ở phải bồi thường thiệt hại cho bên mua, thuê mua nhà ở.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/12/2015.

## **T**ài chính – Ngân hàng **Ngân hàng được mở, sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài**

Theo Thông tư số 20/2015/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 28/10/2015 quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngoại hối ở nước ngoài theo Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động ngoại hối mà không phải làm thủ tục xin cấp phép mở và sử dụng ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định của pháp luật

Bên cạnh đó, Thông tư cũng có quy định về các trường hợp được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức kinh tế. Theo đó, tổ chức kinh tế được mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài để đáp ứng các điều kiện xin cấp phép thành lập và hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của nước sở tại; để phục vụ cho hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; để thực hiện các cam kết, thỏa thuận, hợp đồng với bên nước ngoài bao gồm hợp đồng thầu xây dựng ở nước ngoài, hợp đồng mua bán tàu với bên nước ngoài...

Thời hạn sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài được xem xét căn cứ vào thời hạn hiệu lực của văn bản do cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cho phép tổ chức được thành lập và hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; trường hợp không quy định, thời hạn tối đa không quá 03 năm kể từ ngày cấp Giấy phép.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/12/2015.

## **T**<sup>huế</sup> Cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt với xe ô tô dưới 24 chỗ

**Ngày 28/10/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; trong đó, đáng chú ý là quy định về cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt với trường hợp cơ sở nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp ô tô dưới 24 chỗ bán cho các cơ sở kinh doanh thương mại**

Cụ thể, đối với cơ sở nhập khẩu ô tô dưới 24 chỗ, giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán của cơ sở nhập khẩu nhưng không thấp hơn 105% giá vốn xe nhập khẩu. Trong đó, giá vốn xe nhập khẩu bao gồm: Giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có) và cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt tại khâu nhập khẩu. Nếu giá bán của cơ sở nhập khẩu ô tô dưới 24 chỗ thấp hơn 105% giá vốn xe nhập khẩu thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ quan thuế ấn định.

Đối với cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô dưới 24 chỗ, giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại bán ra. Giá bán bình quân là giá chưa bao gồm các lựa chọn về trang thiết bị, phụ tùng mà cơ sở kinh doanh thương mại lắp đặt thêm theo yêu cầu của khách hàng; trường hợp giá bán của cơ sở sản xuất, lắp ráp ô tô dưới 24 chỗ thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại bán ra thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt do cơ quan thuế ấn định.

Ngoài ra, Nghị định cũng hướng dẫn cụ thể về cách tính thuế tiêu thụ đặc biệt với các hàng hóa, dịch vụ khác. Theo đó, với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán của hàng hóa bán theo phương thức trả tiền một lần, không bao gồm khoản lãi trả góp, trả chậm; đối với kinh doanh vũ trường, karaoke, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là doanh thu của các hoạt động trong vũ trường, karaoke bao gồm cả dịch vụ ăn uống và các dịch vụ khác đi kèm...

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016.

### **Đến 2020, 90% doanh nghiệp nộp thuế qua mạng**

**Nhằm cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau, ngày 26/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1819/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

Tại Quyết định, Thủ tướng khẳng định sẽ ưu tiên cung cấp 40 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại các tỉnh, thành phố; trong đó đáng chú ý là các thủ tục: Cấp phép văn phòng đại diện; Đăng ký Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu; Cấp phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá; Định giá, môi giới bất động sản; Cấp Giấy phép xây dựng; Cấp phép quy hoạch xây dựng; Đăng ký hành nghề luật sư; Cấp, đổi Giấy phép lái xe; Khai sinh có yếu tố nước ngoài; Cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Cấp phép lao động cho người nước ngoài...

Tương tự, 08 thủ tục hành chính cấp huyện và 05 thủ tục hành chính cấp xã cũng sẽ được thực hiện qua mạng ở mức độ 4, bao gồm các thủ tục: Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh; Đăng ký kinh doanh hợp tác xã; Đăng ký kinh doanh bia, rượu, thuốc lá; Cấp phép vệ sinh an toàn thực phẩm; Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ; Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất; Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Cấp Giấy phép các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường; Khai sinh; Kết hôn; Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập...

Dự kiến giai đoạn 2016 - 2020, sẽ có 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4; 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng; 50% số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô, xe máy; 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin để giảm số giờ thực hiện thủ tục bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20% và 10% đối với tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận đầu tư qua mạng...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/10/2015.

## **L**ao động **Từ 2020, 100% lao động thất nghiệp được hỗ trợ giới thiệu việc làm**

**Nhằm tăng cường kết nối cung - cầu lao động, rút ngắn thời gian tìm việc, thời gian tuyển dụng lao động, giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị, tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động nông thôn, góp phần tăng trưởng và giải quyết việc làm cho người lao động..., ngày 28/10/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1833/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các trung tâm dịch vụ việc làm giai đoạn 2016 - 2025**

Tại Quy hoạch, Thủ tướng yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động các trung tâm dịch vụ việc làm trong cả nước; từ nay đến năm 2025 sẽ không tăng số lượng các trung tâm dịch vụ việc làm. Như vậy, ở vùng trung du miền núi phía Bắc có 24 trung tâm dịch vụ việc làm; vùng đồng bằng sông Hồng có 37 trung tâm; 30 trung tâm ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; 05 trung tâm ở vùng Tây Nguyên; 14 trung tâm ở vùng Đông Nam Bộ và 21 trung tâm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Về tổ chức hệ thống, quản lý, Thủ tướng yêu cầu kiện toàn hệ thống các trung tâm dịch vụ việc làm để chia sẻ thông tin, tăng cường kết nối cung - cầu lao động bảo đảm hỗ trợ tốt nhất cho người lao động và người sử dụng lao động; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của các trung tâm dịch vụ việc làm; ngân sách Nhà nước sẽ chi trả cho một số hoạt động dịch vụ việc làm không có thu theo quy định. Nhà nước cũng sẽ đầu tư có trọng điểm các trung tâm dịch vụ việc làm; ưu tiên các tỉnh nghèo không tự cân đối ngân sách; đồng thời huy động từ các nguồn thu khác để thực hiện đầu tư tập trung, đồng bộ với các trung tâm dịch vụ việc làm, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động.

Dự kiến đến năm 2020, có trên 02 triệu lượt người được tư vấn trực tiếp; 100% người lao động đến các trung tâm dịch vụ việc làm được tư vấn việc làm và học nghề, trong đó 70% lao động được giới thiệu tìm việc làm có kết nối việc làm thành công, đáp ứng được 50% nhu cầu tuyển dụng của người sử dụng lao động; đặc biệt, từ năm 2020, 100% người lao động nộp hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm thất nghiệp được tư vấn về chính sách việc làm và học nghề, được hỗ trợ giới thiệu việc làm, hỗ trợ học nghề nếu có nhu cầu và được hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu đủ điều kiện...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

## **NHẬN ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT:**

### **GÓP Ý DỰ THẢO BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ ĐỂ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THEO NGHỊ QUYẾT 19 CỦA CHÍNH PHỦ (tiếp)**

*Luật sư Nguyễn Hưng Quang*

*Trong số này, NHQuang&Associates xin tiếp tục gửi tới Quý vị Phần cuối của nghiên cứu Góp ý Dự thảo Bộ luật Tố tụng dân sự để cải thiện môi trường kinh doanh theo Nghị quyết 19 của Chính phủ với nội dung liên quan đến những khuyến nghị cụ thể đối với dự thảo Bộ luật Tố tụng dân sự.*

[...]

**g. Hoàn thiện quy định về thủ tục  
tống đạt để rút ngắn thời gian xử  
lý vụ án**

Qua khảo sát các thẩm phán tại Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế và Hải Phòng, các thẩm phán cho rằng thủ tục tống đạt, thông báo văn bản tố tụng trong quy định BLTTDS 2004 chưa cụ thể và gây khó khăn cho hoạt động của tòa án và kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Các hình thức tống đạt theo BLTTDS 2004 và dự thảo BLTTDS sửa đổi chưa cho phép luật sư đại diện cho đương sự tiếp nhận các thông báo của tòa án. Tại nhiều quốc gia, khi luật sư đã được đương sự ủy quyền sẽ là bên giao dịch trực tiếp với tòa án và tòa án gửi thông báo cho đương sự thông qua luật sư. Hình thức này sẽ bảo đảm hiệu quả của việc tống đạt, tăng trách nhiệm công việc của luật sư và bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự.

Quy định về tống đạt tại BLTTDS 2004 và dự thảo BLTTDS sửa đổi chỉ công nhận các hình thức tống đạt trực tiếp bằng văn bản mà chưa tạo điều kiện cho việc tống đạt theo phương thức

điện tử mà nhiều hệ thống tư pháp trên thế giới áp dụng, trong đó có các nước ASEAN như đã nêu ở phần trên. Áp dụng phương thức tống đạt điện tử sẽ giảm chi phí, thời gian cho tòa án và cả đương sự. Phương thức tống đạt điện tử tại nhiều quốc gia áp dụng đó là trên cơ sở chấp thuận của đương sự về hình thức tống đạt điện tử, tòa án sẽ gửi các thông báo qua email của đương sự hoặc email của luật sư của đương sự.

Để bảo đảm việc tống đạt thông qua luật sư, dự thảo BLTTDS sửa đổi cần bổ sung thêm trách nhiệm của luật sư, người bào chữa vào quy định về trách nhiệm chuyển giao giấy tờ, tài liệu của tòa án.

**h. Thay đổi phương thức chấp  
thuận yêu cầu phản tố hoặc yêu  
cầu độc lập của đương sự trong  
vụ án**

BLTTDS 2004 (Điều 176,177,178) và dự thảo BLTTDS (Điều 196, Điều 197) đều quy định: trước khi tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố, người



có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền đưa ra yêu cầu độc lập. Quy định như vậy chưa thực sự hợp lý vì tạo kẽ hở cho đương sự không có thiện chí có thể lợi dụng để kéo dài thời gian. Ví dụ như trong khi giải quyết tranh chấp đương sự sẽ chờ đến thời điểm tòa án chuẩn bị ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử thì mới đưa ra yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, dẫn đến tòa án phải quay lại giai đoạn thụ lý. Vụ án có thể kéo dài thêm hàng tháng nữa mới kết thúc được.

Do vậy, dự thảo BLTTDS cần sửa đổi theo hướng trong một thời hạn nhất định (có thể là 15 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo về đơn khởi kiện của nguyên đơn, người được thông báo cho tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, nếu có.

Sửa đổi như trên không xâm phạm, không hạn chế quyền dân sự, cũng như quyền tố tụng của đương sự, mà lại đề cao trách nhiệm và lợi ích của đương sự. Bởi vì yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các quan hệ pháp luật có liên quan đến vụ án, nếu giải quyết cùng trong một vụ án sẽ tiện lợi cho đương sự. Nhưng nếu đương sự không yêu cầu giải quyết hoặc không yêu cầu trong thời hạn luật quy định, đương sự vẫn có quyền khởi kiện vụ án độc lập khác. Quyền khởi kiện của đương sự vẫn được bảo đảm.

#### **i. Quy định rõ ràng về điều kiện hoãn phiên tòa**

BLTTDS 2004 và dự thảo BLTTDS đều quy định tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà có đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự vắng

mặt và không có đơn đề nghị xử vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nếu đương sự vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng mới được xử vắng mặt bị đơn, người liên quan. Các quy định này nhằm bảo đảm tối đa quyền bào chữa và tham gia tố tụng của người dân trong các vụ án dân sự, kinh doanh, thương mại và lao động.

Việc hoãn phiên tòa không có lý do hoặc lý do không hợp lệ của đương sự là một nguyên nhân kéo dài thời gian xét xử khi mà đương sự không hợp tác với tòa án hoặc cố tình giấu địa chỉ liên lạc để tòa án có thể tổng đạt. Việc giấu địa chỉ buộc tòa án phải thực hiện nhiều thủ tục (bao gồm tổng đạt, tiếp đến là niêm yết giấy triệu tập). Việc này tốn kém về thời gian và chi phí cho tòa án, làm chậm quá trình xét xử. Xét một góc độ thì cơ chế này nhằm bảo đảm công bằng cho các đương sự vì bảo đảm đương sự được tham gia vào hoạt động xét xử. Nhưng ở góc độ khác thì cơ chế này là bất công khi mà một bên đương sự thì cố ý trốn tránh việc ra tòa và một bên đương sự phải chờ đợi, nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định pháp luật để vụ án được xét xử.

Để bảo đảm công bằng, trách nhiệm của các bên đương sự và không làm kéo dài tố tụng, BLTTDS 2004 cần sửa theo hướng tòa án sẽ có quyền xét xử nếu đã tổng đạt hợp lệ và đương sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do hợp lý hoặc vắng mặt vì lý do bất khả kháng.

#### **j. Rút ngắn thời gian chuyển giao bản án**

Sau khi kết thúc xét xử, đương sự cũng mong muốn bản án phải được cấp cho các bên nhanh chóng để các đương sự có thể thực hiện tiếp các quyền tiếp

theo, như đề nghị thi hành án hoặc làm đơn kháng cáo.

Việc chuyển giao bản án từ tòa án sang cơ quan thi hành án theo bản án BLTTĐ 2004 và Dự thảo BLTTĐS sửa đổi là 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực là quá dài. Nếu tính tổng số thời gian của giai đoạn này là 45 ngày, bao gồm thời hạn kháng cáo (15 ngày) cộng với thời hạn cấp bản án (30 ngày). Trong khi Nghị quyết 19/NQ-CP đề ra kế hoạch cắt giảm thời gian giải quyết tranh chấp thương mại từ 400 ngày xuống còn 200 ngày, bao gồm quá trình xem xét đơn kiện, thụ lý, xét xử và thi hành án thì riêng thời hạn cho một thủ tục cấp bản án chiếm ¼ tổng số thời gian của Nghị quyết là bất hợp lý.

**k. Hạn chế sự tham gia của Viện kiểm sát trong tố tụng dân sự**

Quan hệ tranh chấp dân sự, thương mại là quan hệ tư, quyền định đoạt là thuộc về đương sự, nên phải hạn chế sự can thiệp của cơ quan nhà nước. Viện kiểm sát chỉ nên tham gia vào các

vụ án có liên quan đến lợi ích của Nhà nước (như tiền thuế, khoản đóng góp cho nhà nước, tài sản công) hoặc một bên đương sự là người chưa thành niên, có nhược điểm thể chất, tâm thần. Tuy nhiên, theo các quy định của BLTTĐS 2004 và dự thảo BLTTĐS, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị xem xét lại tất cả các vụ án tạo cơ hội để việc giải quyết tranh chấp dân sự bị kéo dài. Vì vậy, dự thảo BLTTĐS cần giới hạn các trường hợp tham gia của Viện kiểm sát.

Tóm lại, để môi trường kinh doanh của Việt Nam có sức cạnh tranh và thu hút nhà đầu tư trong nước và nước ngoài thì hệ thống tòa án phải là một hệ thống “gần dân, hiểu dân, giúp dân”<sup>1</sup>. Mọi thủ tục tố tụng trở nên thân thiện và thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Thời gian giải quyết tranh chấp cần phải được rút ngắn sao cho hoạt động giải quyết tranh chấp trở nên có hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp. Hệ thống tòa án là thể chế đáng tin cậy để bảo đảm công bằng, quyền tài sản và việc thực thi hợp đồng./.

*Lưu ý: Tất cả các ý kiến, nhận định và quy định được trích dẫn trong bài viết chỉ mang tính tham khảo nên không được coi đó là ý kiến pháp lý chính thức để vận dụng vào các trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, văn bản pháp luật được dẫn chiếu có thể đã hết hiệu lực hoặc đã được sửa đổi, bổ sung tại thời điểm Quý khách hàng tham khảo bài viết cho các tình huống phát sinh trên thực tế. Do vậy, để có được ý kiến pháp lý cho từng trường hợp một cách chính xác nhất, Quý khách hàng vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.*

**DANH MỤC VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH TỪ NGÀY  
28/10/2015 ĐẾN NGÀY 10/11/2015**

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành
1.	Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương	05/10/2015 (kết thúc phiên đàm phán)
2.	Nghị định 106/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý người đại diện phần vốn Nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	23/10/2015
3.	Nghị định 108/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	28/10/2015
4.	Nghị định 99/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở	20/10/2015
5.	Thông tư 34/2015/TT-BYT của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư 17/2012/TT-BYT ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh	27/10/2015
6.	Thông tư 11/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập hồ sơ yêu cầu đối với chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh	27/10/2015
7.	Nghị định 110/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 21/2010/NĐ-CP ngày 08/03/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức	29/10/2015
8.	Quyết định 1819/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020	26/10/2015
9.	Quyết định 54/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về việc cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC ban hành kèm theo Quyết định 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ	29/10/2015
10.	Quyết định 1829/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp ô tô và phụ tùng ô tô thực hiện Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030	28/10/2015
11.	Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ	28/10/2015
12.	Thông tư 13/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Danh mục lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ và tiêu chí lựa chọn đối tượng ưu tiên hỗ trợ của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa	28/10/2015

13.	Quyết định 1833/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các Trung tâm dịch vụ việc làm giai đoạn 2016 – 2025	28/10/2015
14.	Thông tư 05/2015/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ	30/10/2015
15.	Nghị định 112/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định 123/2004/NĐ-CP ngày 18/05/2004 của Chính phủ quy định về một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội	03/11/2015
16.	Thông tư 20/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài của người cư trú là tổ chức	28/10/2015
17.	Thông tư 31/2015/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ đối với hoạt động xuất, nhập khẩu sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng	29/10/2015
18.	Chỉ thị 01/CT-BXD của Bộ Xây dựng về việc bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng công trình	02/11/2015
19.	Thông tư 61/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa	02/11/2015
20.	Thông tư 60/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ	02/11/2015
21.	Thông tư 26/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý trường tiểu học	30/10/2015
22.	Thông tư 27/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học	30/10/2015
23.	Nghị quyết 79/NQ-CP của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2015	04/11/2015
24.	Nghị định 109/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân dân gian, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	28/10/2015
25.	Nghị định 111/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ	03/11/2015

<sup>i</sup> Hồ Chí Minh, Nhà nước và Pháp luật, Nhà xuất bản Pháp lý, Hà Nội, 1985, trang 188